



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM  
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635  
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: \_\_\_\_\_  
VEWL.#: \_\_\_\_\_  
I-171#: Y NO  
EXIT VISA#: \_\_\_\_\_

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM  
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HOYNH BA' DUONG  
Last Middle First  
Current Address: 131 B Phan Đăng Lưu, Q. Phú Nhuận, TP. HCM  
Date of Birth: 1/27/47 Place of Birth: Gia Định  
Previous Occupation (before 1975) Captain  
(Rank & Position)  
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 6/27/75 To 10/28/83  
Years: 8 Months: \_\_\_\_\_ Days: \_\_\_\_\_  
3. SPONSOR'S NAME: PHAN THỊ MINH  
Name  
Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

| <u>Name, Address &amp; Telephone Number</u> | <u>Relationship</u> |
|---------------------------------------------|---------------------|
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |
| _____                                       | _____               |

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: \_\_\_\_\_

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : Huyah Ba' Du'ong  
(Listed on page 1)

| NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES | DATE OF BIRTH | RELATIONSHIP TO PA. |
|------------------------------------------|---------------|---------------------|
| Huyah thi Ngoc Minh                      | 10/14/51      | Wife                |
| Huyah thi Hong Nhung                     | 10/18/71      | daughter            |
| Huyah thi Hong Van                       | 6/11/75       | daughter            |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |
|                                          |               |                     |

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

2017-2018

3. HUYNH BA DONG. 1947

of chl . 131 B. . phan. dang. luu. . P.R

Đã làm kỹ nhất cần làm theo . . . . .

Mon. Jan. 11. . . . . 1904. . . . .

Đến tại Công an Thủ Đức, TĐH hỏi thăm mọi người ở phòng

[illegible]

tođ tra loi đat qua.

H/S chuyên D/S 85

ngày 10-10-84

Phủ Nhuận ngày 10/2/1954.

T. BCH

CHÚ NHẬT

ATTACHING

AN. GUAN

FRUITA, E. A. 1916

BỘ NỘI VỤ  
Trại Thủ Đức  
Số 579 CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

SIISLD

CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH  
ĐÃ TRỊNH CHỨNG  
1550  
5 11 3

## GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 92 ngày 29 tháng 9 năm 1983 của Bộ Nội Vụ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **Huỳnh Bá Dương**

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày tháng năm 1947

Nơi sinh Gia Định

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị tù 131B, Phan Đăng Lưu, Phường 2, Phú Nhuận, TP: HCM

Can tội Đại úy trưởng toán định cư

Hiết ngày 27/6/1975

Án phạt 12 năm

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tống án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án lần, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 131B Phan Đăng Lưu, P2, Phú Nhuận, TP: HCM

Nhận xét quá trình cải tạo

Trong thời gian cải tạo, sống tiến bộ, lao động, học tập và chấp hành nội quy nghiêm.

-Thời hạn quản chế 12 tháng (Mười hai tháng)

-Thời hạn đi đường 02 ngày (kể từ ngày ký giấy RT)

Đi đường đi cấp

Lưu tay ngón trở phải

Của **Huỳnh Bá Dương**

Danh b

Lập t

Họ tên, chữ ký  
người được cấp giấy

*[Chữ ký]*

Ngày 28 tháng 10 năm 1983  
Phó Giám thị  
*[Chữ ký]*

Thieu Lo Phan, Khu Phuc

1/ Huỳnh Bá Đường . 27-01-1947 tại Phú Nhuận gia đình .  
địa chỉ: 1318 Phan Đăng Lưu F2, Quận Phú Nhuận

2/vợ: Huỳnh Thị Ngọc Minh . 04-10-1951 tại Sài Gòn .  
địa chỉ: 241 Phan Đăng Lưu F2 Q. PN .

3/ Con . Huỳnh Thị Hồng Nhung 13-10-1971 tại Phú Nhuận

4/ Con . Huỳnh Thị Hồng Vân 11-06-1973 tại Tân Bình .

CỘNG-HÒA

PHẦN TƯ-LỆNH

TU-LỆNH

CẢNH-SÁT QUỐC-GIA

TU-LỆNH CẢNH-SÁT QUỐC-GIA

Số: 140143/BTL/NV/ND

- Chiếu Hiến Pháp Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 1.4.1967 và  
chính do Luật số 001/74 ngày 22.1.1974 ;

- Chiếu . . . . .

- Chiếu Nghị-định 085-ND/Th. T/PCl ngày 5.2.1974 ấn-  
định thể thức và thời gian điều chỉnh lương bổng cho nhân-viên  
chánh ngạch và tập-sự Cảnh-Sát Quốc-Gia chưa được hưởng chỉ-số  
lương bậc 1 của bậc liên hệ.

**Q U Y Ế N Ị - Đ Ị N H**

Điều 1. - Nay chấp thuận cho 395 nhân-viên chánh ngạch  
Cảnh-Sát Quốc-Gia được điều chỉnh lương bổng theo cấp bậc sĩ  
quan kể từ ngày 1.4.1974 ;

| Số: | Họ và Tên         | Ngày sanh | Chỉ-số lương                           | Đơn-Vị          |
|-----|-------------------|-----------|----------------------------------------|-----------------|
| TT: |                   |           | hiện tại                               |                 |
| 1   |                   |           | A. - Đại-Úy (bậc 1 chỉ số lương 470)   |                 |
| 59  | Bùi-Bá-Dương      | 27.1.47   | 410                                    | Bộ Tư-Lệnh CSQG |
| 60  | Nguyễn-Văn-An     | 27.07.40  | "                                      | "               |
| 61  | Trần-Việt-Tường   | 01.01.43  | "                                      | "               |
| 62  | Bùi-Thị-Khánh-Hòa | 24.03.43  | "                                      | "               |
|     |                   |           | B. - Thiếu-Úy (bậc 1 chỉ số lương 310) |                 |
| 257 | Phạm-Ngọc-Ngôi    | 26.12.42  | 270                                    | Bộ Tư-Lệnh CSQG |
| 258 | Trần-Trịnh-Trọng  | 06.08.38  | "                                      | "               |
| 259 | Nguyễn-Văn-Nhứt   | 10.10.39  | "                                      | "               |
| 395 |                   |           |                                        |                 |

Điều 2. - Tư-Lệnh, Phó và Phụ-Tá Tư-Lệnh, Trưởng-Khoi  
Nhân-Viên chiếu nhiệm-vụ thi-hành Nghị-Định này. -

Saigon, ngày 09 tháng 08 năm 1974  
Ấn-ký : Chuẩn-Tướng NGUYỄN-KHẮC-BÌNH

**T. R. L. C. H. - Y**

Saigon, 11 tháng 08 năm 1974

TL. GIÁM-ĐỐC NHÀ TÂM-LÝ CHIẾN

Sĩ-Quan Phụ-Tá

Kiểm-nhận về phương diện kinh phí

KIỂM-BOÁT NƯỚC-CHI

Saigon, ngày 21.07.1974

Ấn-ký TRẦN-VĂN-TRỌNG

PHÓ-BẢN

Phó-Tá Tư-Lệnh, Trưởng-Khoi Nhân-Viên

Ấn-ký : Đại-Tá NGUYỄN-PHÚ-SANH

Sĩ-Quan Phụ-Tá

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA  
PHỦ THỦ-TƯỚNG  
BỘ TƯ-LỆNH  
CẢNH-SÁT QUỐC-GIA

7 I Ấ Y - P H É P

-----

Số : 4297/BTL/CSQG/HTLC/VP

Cấp cho : TRẦN-BÁ-ĐƯƠNG Bí danh                     

Ngày và nơi sanh : 27.01.1947 tại Gia-Định

Ngạch-trật : Đại-Ủy CS Chức-vụ : Chủ-Sự P/Ý-Nguyên

Số thẻ hành-sự : 039215 cấp ngày 08.05.1969

hoặc căn-cước : tại                     

Hiện tòng-sự tại : Sở Thông-Tin Quảng-Bá, Nha TLC BTL/CSQ

Được nghỉ phép: 04 ngày, kể từ : 08 giờ, ngày 21.08.72  
đến : 08 giờ, ngày 25.08.72

Nơi hưởng-dụng : Số 131.B Đại-Lộ Chi-Lăng Gia-Định

Lý do : Thân-sinh đau nặng

Sở Thông-Tin, ngày 21 tháng 8 năm 1972. ml  
BỘ TƯ-LỆNH CẢNH-SÁT QUỐC-GIA  
GIÁM ĐỐC NHÀ TÀI-LÝ-CHIẾN,  
PHỦ THỦ-TƯỚNG  
Trưởng-Tá VŨ-VAN-TÂM.

**Lutheran  
Social Service  
of Texas, Inc.**

Immigration and  
Refugee Services

Affiliate of Lutheran  
Immigration and Refugee  
Services

April 18, 1984

Phan Thoi Minh

Re: Huynh Ba Duong

Ong Minh than men,

Xin ong dien cac mau don nay, ky ten, thi thuc chu ky (notarize) va  
gui lai cho chung toi bang phong bi co de dia chi va dan tem san dinh  
kem.

Neu co phan nao thac mac xin ong cu goi cho toi tai so 863-9570 chung  
toi xin san sang giup do ong.

Khi nhan duoc giay to ong gui lai chung toi se gui di toa dai su My o  
Bangkok de tien hanh thu tuc doan tu cho than nhan ong .

Xin tran trong chao ong.

Than men,



Cu Ngoc Ha  
Translator For LSST - Refugee Services  
Houston Area Office For LIRS  
3525 Beauchamp  
Houston, Texas 77009

Area Office for L.I.R.S.  
3525 Beauchamp Street  
Houston, Texas 77009

ỦY BAN NHÂN DÂN

Kā phường .....

Huyện, Quận .....

Tỉnh, Thành phố **SAIGON**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP/HT

Số **9337-bis**

Quyền .....



## GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên **HUYNH THI NGOC MINH** Nam hay Nữ **NỮ**

Ngày, tháng, năm sinh **Ngày bốn tháng mười, năm một ngàn chín trăm năm mươi một (4.10.1951)**

Nơi sinh **Saigon, 249 đường Paul Bert**

Dân tộc **Quốc tịch**

| Phần khai về cha, mẹ | Người mẹ                           | Người cha                   |
|----------------------|------------------------------------|-----------------------------|
| Họ và tên            | <b>Lâm Quế Khanh</b>               | <b>Huỳnh Ngọc Tỷ</b>        |
| Tuổi                 |                                    |                             |
| Dân tộc              |                                    |                             |
| Quốc tịch            |                                    |                             |
| Nghề nghiệp          | <b>nội trợ</b>                     | <b>nhân viên hãng Shell</b> |
| Nơi thường trú       | <b>Saigon, 249 đường Paul Bert</b> |                             |

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh của người đứng khai

**Cha, 27 tuổi**

Đăng ký ngày **10 tháng 10 năm 1951**

Người đứng khai ký

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày **16 tháng 11 năm 1988**

T/M UBND KÝ TÊN ĐÓNG DẤU



ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, phường.....

Huyện, Quận..... Phủ Nhuan

Tỉnh, Thành phố.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

TP/HT

Số 1650

Quyền



## GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên HUỖNH THI HỒNG NHƯNG Nam hay nữ Nữ

Ngày, tháng, năm sinh Ngày mười ba, tháng mười, năm một ngàn chín trăm  
bảy mươi một

Nơi sinh Phủ Nhuan Bệnh Viện Cơ Đốc

Dân tộc -- Quốc tịch --

| Phân khai về<br>cha, mẹ | Người mẹ                   | Người cha             |
|-------------------------|----------------------------|-----------------------|
| Họ và tên               | <u>HUỖNH THI NGỌC MINH</u> | <u>HUỖNH BẢ DƯƠNG</u> |
| Tuổi                    |                            |                       |
| Dân tộc                 |                            |                       |
| Quốc tịch               |                            |                       |
| Nghề nghiệp             |                            |                       |
| Nơi thường trú          |                            |                       |

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

HUỖNH BẢ DƯƠNG

Đã ký ngày 19 tháng 10 năm 19 71

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

10 năm 1988



T/M Đ QPN  
CHÁNH VĂN PHÒNG  
chung  
Phạm Văn Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mã HT 13/P3

Xã, Thị trấn: Phước Long 2  
Thị xã, Quận: Phước Ninh  
Thành phố, tỉnh: Hố Chí Minh

BẢN SAO

# GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

Số 07/88 KHTH  
Quyển 01/86

|                                        | CHỒNG                                                             | VỢ                                                 |
|----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| HỌ VÀ TÊN<br>Bí danh                   | <u>HUYNH BÁ ĐƯỜNG.</u>                                            | <u>HUYNH THI-NGOC MINH</u>                         |
| Sinh ngày<br>tháng năm<br>bảy tuổi     | <u>27 01 1947 tại gia đình</u>                                    | <u>04-10-1951 tại Saigon</u>                       |
| Dân tộc<br>Quốc tịch                   | <u>Kinh</u><br><u>Việt Nam</u>                                    | <u>Kinh</u><br><u>Việt Nam</u>                     |
| Nghề nghiệp                            | <u>Buôn Bán</u>                                                   | <u>Thợ nân tóc</u>                                 |
| Nơi đăng ký<br>nhân khẩu<br>thường trú | <u>131 B Phan Đăng Lưu</u><br><u>Phước Long 2 Quận Phước Ninh</u> | <u>241 Phan Đăng Lưu T1</u><br><u>Quận Thủ Đức</u> |
| Số giấy CM, CNCC<br>hoặc hộ chiếu      | <u>022421003</u>                                                  | <u>020437100</u>                                   |

Đăng ký, ngày 29 tháng 07 năm 1988

T.M. UBND Phước Long 2

Người chồng ký

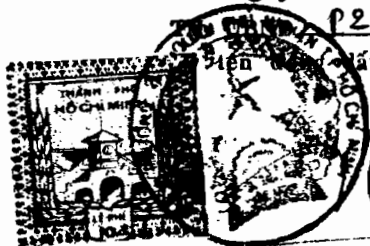
Người vợ ký

Ký tên đóng dấu (Ghi rõ họ tên, chức vụ)

Phó Chủ tịch. Nguyễn Thị Nha

**NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH**

Ngày 29 tháng 7 năm 1988



PHÓ CHỦ TỊCH (Ghi rõ họ tên, chức vụ)

Nguyễn Thị Nha

ỦY BAN NHÂN DÂN  
Xã, Thị trấn Tân Sơn Hòa  
Thị xã, Quận Tân Bình  
Thành phố, Tỉnh Già Định

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mẫu HT2/P3

**BẢN SAO  
GIẤY KHAI SANH**

Số 1030  
Quyền số 06

|                                                                                              |                                                                      |                            |                   |
|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------|
| Họ và tên                                                                                    | <u>HUYỀN TÀI HỒNG VÂN</u>                                            |                            | Nam, nữ <u>Nữ</u> |
| Sinh ngày<br>tháng năm                                                                       | <u>Ngày mười một, tháng sáu, năm một<br/>chín bảy ba (11/6/1973)</u> |                            |                   |
| Nơi sinh                                                                                     | <u>Tân Sơn Hòa</u>                                                   |                            |                   |
| KHAI VỀ CHA MẸ                                                                               | CHA                                                                  | MẸ                         |                   |
| Họ, tên, tuổi hoặc<br>ngày, tháng, năm sinh                                                  | <u>HUYỀN BÀ ĐƯƠNG</u>                                                | <u>HUYỀN TÀI NGỌC MINH</u> |                   |
| Dân tộc                                                                                      | <u>Kinh</u>                                                          |                            |                   |
| Quốc tịch                                                                                    | <u>Việt Nam</u>                                                      |                            |                   |
| Nghề nghiệp                                                                                  |                                                                      |                            |                   |
| Nơi ĐKKK thường trú                                                                          | <u>Tân Sơn Hòa</u>                                                   | <u>Tân Sơn Hòa</u>         |                   |
| Họ, tên, tuổi nơi ĐKKK<br>thường trú, số giấy chứng<br>minh hoặc CNCC của<br>người đứng khai | <u>HUYỀN VÂN ĐƯƠNG</u>                                               |                            |                   |

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 21 tháng 2 năm 1984

TM. UBND Tân Bình ký tên đóng dấu

Đã ký ngày 20 tháng 6 năm 1983  
(ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

Xã Trưởng kiêm Ủy viên Hộ tịch  
đã ký  
Trần Văn Hợp



PHỔ VÂN ĐƯƠNG  
TRẦN NGỌC KHÁNH

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, phường.....

Huyện, Quận Phủ Nhuan

Tỉnh, Thành phố.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

TP/HT

Số 105

Quyền



## GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên HUYỀN BÀ DƯƠNG Nam hay nữ Nam

Ngày, tháng, năm sinh Le 27 tháng một, năm một ngàn chín trăm bốn  
mười bảy

Nơi sinh Phủ Nhuan

Dân tộc -- Quốc tịch --

| Phần khai về<br>cha, mẹ | Người mẹ               | Người cha              |
|-------------------------|------------------------|------------------------|
| Họ và tên               | <u>TRẦN THỊ ANH</u>    | <u>HUYỀN VĂN THÌNH</u> |
| Tuổi                    |                        |                        |
| Dân tộc                 |                        |                        |
| Quốc tịch               |                        |                        |
| Nghề nghiệp             | <u>Sans Profeslion</u> | <u>Commergant</u>      |
| Nơi thường trú          | <u>Phủ Nhuan</u>       | <u>Phủ Nhuan</u>       |

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Đăng ký ngày tháng năm 19 47

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 10 năm 1988



T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Ký tên và đóng dấu CHÁNH VĂN PHÒNG

*Phan Văn Kế Hùng*

LUTHERAN IMMIGRATION AND  
REFUGEE SERVICE

QUESTIONNAIRE AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP  
(To be completed by U.S. Relative)

SECTION 1

My name is PHAN, THOI MINH  
Other names I have used \_\_\_\_\_  
My date of birth July 14, 1946  
My place of birth Thanh My Tay, Gia Dinh, Viet Nam  
My present address \_\_\_\_\_  
\_\_\_\_\_  
My phone number is \_\_\_\_\_

SECTION 2

I entered the U.S. on May 1975 (date) from Viet Nam (country)  
My status in the U.S. is ☐ Parolee ☐ Permanent Resident  
☒ U.S. Citizen ☐ Conditional Entrant  
My ALIEN REGISTRATION NUMBER is : A- 21 468 607  
My NATURALIZATION CERTIFICATE NUMBER is : 11440814  
Voluntary Agency \_\_\_\_\_

SECTION 3

These are my immediate relatives whom I have requested to join me from Vietnam:

| NAME                                       | RELATIONSHIP<br>TO ME | DATE & PLACE<br>OF BIRTH | PRESENT ADDRESS                      | VIETNAMESE<br>EXIT PERMIT # | I HAVE FILED AN<br>IMMIGRANT VISA<br>PETITION |     | IF YES:<br>CITY OF<br>INS OFFICE | DATE<br>FILED | DATE<br>APPR. | COUNTRY<br>PETITION<br>WAS SENT<br>TO: |
|--------------------------------------------|-----------------------|--------------------------|--------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------------------|-----|----------------------------------|---------------|---------------|----------------------------------------|
|                                            |                       |                          |                                      |                             | NO                                            | YES |                                  |               |               |                                        |
| HUYNH BA DUONG                             | Cousil                | Jan 27 1947              | 131B Phan Dang Luu, Quan<br>Gia Dinh | Phu Nhuan, T.P. HO CHI MINH |                                               |     |                                  |               |               |                                        |
| HUYNH THI NGOC MINH (Duong's<br>Wife)      |                       | Oct 14 1951              | Same above                           |                             |                                               |     |                                  |               |               |                                        |
| HUYNH THI HONG NHUNG (Duong's<br>daughter) |                       | Oct 13 1971              | Same above                           | Phu Nhuan                   |                                               |     |                                  |               |               |                                        |

These are persons whom I have requested to accompany my relative(s) from Vietnam:

|                    |             |            |  |
|--------------------|-------------|------------|--|
| HUYNH THI HONG VAN | Jun 11 1973 | Same above |  |
| (Duong's daughter) | Tan Binh    |            |  |
|                    |             |            |  |
|                    |             |            |  |
|                    |             |            |  |
|                    |             |            |  |

The following are persons whom I would like to join me from Vietnam (listed in SECTION 3), AND who were closely associated with U.S. programs, U.S. government organizations, or U.S. firms in Vietnam before April 1975:

| NAME           | DESCRIPTION OF ASSOCIATION (if possible include dates, positions, supervisors, nature of duties, awards, etc) |
|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| HUYNH BA DUONG | from January 15, 1968 to April 30, 1975. Last Rank Police Captain. Police Headquarter                         |
| Supervisor:    | Col VU VAN TAM . American advisor: Mac Cain                                                                   |

#### SECTION 5

These are the rest of my family members NOT listed in SECTION 3. (Please include your parents, brothers, sisters, spouse, and children. Please include persons who are deceased as well.)

| NAME               | RELATIONSHIP | DATE/PLACE OF BIRTH | PRESENT ADDRESS |
|--------------------|--------------|---------------------|-----------------|
| PHAN, MANH DAC     | Father       | Thai Binh, Viet Nam | Deceased        |
| DO THI DUNG        | Mother       | Ha Noi, Viet Nam    |                 |
| PHAN DO THU QUY    | Sister       | Ha Noi, Viet Nam    | Same Above      |
| PHAN DO THU NGUYET | Sister       | Ha Noi, Viet Nam    | Same above      |
| PHAN MINH CHAU     | Brother      | Gia Dinh, Viet Nam  | Same above      |

#### SECTION 6

If you are married: None

| NAME OF WIFE/HUSBAND | DATE/PLACE OF BIRTH | PRESENT ADDRESS |
|----------------------|---------------------|-----------------|
|----------------------|---------------------|-----------------|

Give the date and place where you were married:

#### SECTION 7

I swear that the above information is true to the best of my knowledge.

Signature Phan Tho Nam Date 5-1-84

Subscribed and sworn to before me,

Signature of Notary Public

LARA MARY VU

Notary Public, State of Texas

Commission Expires November 17, 1987

this May 1st day of 1984.

My commission expires:

TP. HỒ CHÍ MINH  
UBND Q. PHÚ NHUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Số: 06/QB-UB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 1 năm 1985

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phục hồi quyền công dân

### ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN

— Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Nhân dân và Ủy Ban Hành chính các cấp ngày 27 tháng 10 năm 1962;

— Căn cứ chính sách 12 điểm của Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Miền Nam Việt Nam đối với những người làm việc trong Quân đội, Chánh quyền và các Tổ chức Chánh trị của chế độ cũ.

— Theo đề nghị của Hội đồng xét duyệt quyền công dân.

## QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phục hồi quyền công dân cho Ông Nguyễn Văn Dương

Sinh năm: 1947

Hiện cư ngụ tại: 131B Phan Đăng Lưu

Điều 2: Ông Dương được hưởng quyền công dân kể từ ngày: 05/11/84

Điều 3: Các Ông Chánh Văn phòng Ủy Ban Nhân Dân Quận Phú Nhuận; Bộ phận Công Tác Người Học Tập Cải Tạo Được Về, Trưởng Công an Quận Phú Nhuận và Ủy Ban Nhân dân Phường 2 có trách nhiệm thi hành quyết định này.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN  
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Đương sự.



CHỦ TỊCH  
SỐ: 02  
NGÀY: 26 tháng 12 năm 1986



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Dương

APPLICATION FOR CLASSIFICATION AS REFUGEE

To : THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

Subject : REQUEST FOR IMMIGRATION TO THE US UNDER THE O.D.P.

Sept 20<sup>th</sup>, 1989

Dear Sir,

My name is HUYNH BA DUONG

My date of birth : Jan 27<sup>th</sup>, 1947

My place of birth : Gia dinh

My present address : 131B Phan Đăng Lưu, quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh

VN Army : From January 15, 1968 to April 30, 1975 .

Last rank : Police Captain - Police Headquarter .

Political Prisoner : Yes, from 27-06-1975 . . . to 28-10-1983 . .

Due to the difficulty of my situation and based on the authority of your organization and the spirit of the humanitarian act, I wish to request your assistance and your intervention with the government of the socialist republic of Vietnam - in order that I may be authorized to leave VN under your arrangement to the US for the purpose of seeking a new life .

I would be deeply grateful to you for hearing from you soon .

Respectfully and thankfully yours,



HUYNH BA DUONG

## SƠ YẾU LÝ LỊCH

- Họ và tên khai sinh: Huỳnh Bá ĐUÔNG Năm sinh: 1947 Nam, Nữ
- Họ và tên đang dùng: ĐUÔNG Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật giáo
- Cấp bậc và chức vụ: Đại úy CS, Chỉ huy trưởng Nguyễn BTL/CSQG Số quân:
- Quê quán (ấp, xã, huyện, tỉnh): Xã Phú Nhuận, Quận Tân Bình, Thành phố Gia Định
- Địa chỉ nơi ở hiện nay: 131 B Phan Đăng Lưu F/2 Quận Phú Nhuận TP/HCM
- Địa chỉ nơi trình diện (trước khi đi học tập): Trường Chu Văn An Quận 5 Saigon
- Thời gian học tập từ ngày: 27-6-1975 đến ngày: 28-10-1983 (8 năm 4 tháng)
- Đã trải qua các đơn vị quân huấn nào: 6/75 → 6/76 Trại An Đường Biên Hòa, 76 → 77 Trại Hoàng Liên Sơn, Yên Bái (Bắc Việt), 77 → 78 Trại Lão Cay (Bắc Việt), 78 → 82 Trại Tân Lập Vĩnh Phú (Bắc Việt), 82 → 83 Trại Z 30 D Hàm Tân Thuận Đức.
- Tình trạng cư trú hiện nay (tạm trú hay thường trú): thường trú  
cơ quan cho phép:
- Ngày phục hồi quyền công dân: 05-11-1986 Trình độ văn hóa: Cử nhân Luật
- Trình độ chuyên môn kỹ thuật (nếu có văn bằng thi kèm theo bản sao):
- Đang làm việc gì? ở đâu?
- Tình trạng sức khỏe: Tốt

## QUAN HỆ GIA ĐÌNH

- Họ tên cha: Huỳnh v. Thỉnh Năm sinh: 1917 Địa chỉ nơi ở hiện nay: mất năm 1972 Đang làm gì? ở đâu?
- Họ tên mẹ: Trần thị Anh Năm sinh: 1917 Địa chỉ nơi ở hiện nay: 131 B PDL F2 QPN Đang làm gì? ở đâu? Nội trợ gia đình
- Họ tên vợ: Huỳnh thị Ngọc Minh Năm sinh: 1951 Địa chỉ nơi ở hiện nay: 241 PDL P/1 QPN Đang làm gì? ở đâu? không có
- Họ tên các con, làm gì? ở đâu?

Huỳnh thị Hồng Nhung (1971), Học sinh, 241 PDL F/1 Q. P.N

Huỳnh thị Hồng Vân (1973) Học sinh, 241 PDL F/1 Q. P.N

- Họ tên anh chị em ruột, làm gì? ở đâu?

Huỳnh Kim Phưởng (1943), Buôn Băn, 131 B PDL F2 Q. Phú Nhuận

Huỳnh Kim Duyên (1945),

Huỳnh Đình Thái (1951), Chiếu úy TQLC (chính quyền Saigon), phụ VS, 131 B PDL

Huỳnh Đình Bình (1953), nhân viên nhà hàng, 131 B PDL QPN

Huỳnh Đình Thạch (1955)

Huỳnh thị Thu Hương (1957) Buôn Băn, 131 B PDL F/2 QPN

**QUÁ TRÌNH BẢN THÂN**  
(Từ 10 tuổi đến nay)

| Số tháng năm, ...<br>đến tháng năm... | CẤP BẬC, CHỨC VỤ, ĐƠN VỊ LÀM VIỆC                                       | AI BIẾT Ở ĐẦU |
|---------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 11-68 → 10-68                         | Sinh viên Kỹ thuật Khóa 3 Trường Văn Học Viện                           |               |
| 68-69                                 | CSQT lực lượng, Biệt Khu Thủ Đức, Sài Gòn                               |               |
| 69-70                                 | Thường Ban Kế hoạch Phòng CSQB Ty CSQT DARLACH                          |               |
| 70-71                                 | Thường Chi CSQT Bùn Hồ Ba Mươi Thuột                                    |               |
| 71-72                                 | Khóa 2 Kỹ thuật Giảng viên Văn Học Viện CSQT Thủ Đức                    |               |
| 72-75                                 | Giảng viên Tư pháp Trung tâm Nhân quyền và Nhân phẩm Giảng viên         |               |
| 18-4-75 đến 30-4-75                   | CTP tại Chi vụ Nhân quyền Nha CSQT Hồ Chí Minh Quận                     |               |
|                                       | Thường Ban chống Khủng bố Phòng Kế hoạch CSQB CSQB Nha CSQT Hồ Chí Minh |               |
|                                       | Khóa 1 Dân Đạo chủ huy CSQB Trường Trung ương Tỉnh Báo BTL/CSQT         |               |
|                                       | Khóa Quân Tru Hành chiến tại Bộ Nội vụ Thủ Đức                          |               |
|                                       | Đại úy CS chủ trì Phòng y tế huyện Nha TLG/BTL/CSQT                     |               |
|                                       | Đại úy Phụ tá Trung tâm Trường Đặc trách An ninh Trường Đại học         |               |
|                                       | Nông nghiệp Thủ Đức thuộc BCH/CSQT Tỉnh Gia Định                        |               |

— Khen thưởng (lý do và hình thức khen):

— Kỷ luật (lý do, hình thức xử lý):

— Đặc điểm lý sử (có đặc điểm gì nổi vì dụ chế độ cũ bắt giam hay cách mạng bắt giam):

— Tình hình kinh tế gia đình hiện nay:

— Nguyên vọng: *kinh trước tình cũ sang hòa kỳ*

— Cam đoan lời khai:

— Đặc điểm nhận dạng: cao

cân nặng

dấu vết riêng

Ngày 31 tháng 10 năm 1987  
(Người khai ký tên)

*Huỳnh Bá Đường*

Ý kiến của Tổ quản lý cấp Phường, Xã (ghi ý kiến về việc chấp hành của đương sự với chủ trương chánh sách của Đảng và Nhà nước và những đặc điểm trong lý lịch).

Ngày tháng năm 198

HUỶNH BA' ĐƯƠNG.  
131<sup>B</sup> PHAN ĐĂNG LỬU  
"Phước huân" HỒ CHÍ MINH  
VIỆTNAM

DEC . 9 1989

Hình gửi Bà Khúc Minh Thọ  
P.OBox 5435 - Hội Gia đình Tù nhân Chính Trị Việt Nam  
ARLINGTON, VA. 22205 - 0635

# CONTROL

\_\_\_\_ Card  
\_\_\_\_ Doc. Request; Form  
\_\_\_\_ Release Order  
\_\_\_\_ Computer  
\_\_\_\_ Form "D"  
\_\_\_\_ QDP/Date  
\_\_\_\_ Membership, Letter

1/18/90